

PL 8. Các thông tin tài chính từ hệ thống TABMIS**Báo cáo năm 2019****TỔNG HỢP NGUỒN VỐN THEO TỪNG NỘI DUNG CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG
NÔNG THÔN MỚI TỈNH LÀO CAI**

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán			Giải ngân		
		Tổng	Đầu tư	Sự nghiệp	Tổng	Đầu tư	Sự nghiệp
	Tổng cộng						
1	Quy hoạch xây dựng nông thôn mới						
2	Phát triển hạ tầng kinh tế xã hội	311,853	307,913	3,940	228,053	224,248	3,805
2.1	Quốc phòng						
2.2	An ninh, trật tự an toàn xã hội						
2.3	Giáo dục, đào tạo và dạy nghề	59,174	58,997	177	39,353	39,176	177
2.4	Khoa học và công nghệ				0		
2.5	Y tế, dân số và gia đình	7,372	7,358	14	2,955	2,941	14
2.6	Văn hóa, thông tin	32,093	32,093		21,619	21,619	
2.7	Phát thanh, truyền hình, thông tấn	483		483	458		458
2.8	Thể dục, thể thao	2,630	2,630		2,459	2,459	
2.9	Bảo vệ môi trường	921	921		903	903	
2.10	Các hoạt động kinh tế	205,786	202,564	3,222	156,925	153,813	3,112
2.11	Các hoạt động của các cơ quan QLNN, đảng đoàn thể	2,894	2,850	44	2,894	2,850	44
2.12	Bảo đảm xã hội	500	500		487	487	
2.13	Tài chính và các hoạt động khác						
3	Các nội dung về đào tạo nghề nông thôn, bồi dưỡng các bộ HTX phục vụ PTSX gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn nâng cao thu nhập người dân	10,093	0	10,093	10,040	0	10,040
3.1	Quốc phòng						
3.2	An ninh, trật tự an toàn xã hội						
3.3	Giáo dục, đào tạo và dạy nghề	6,810		6,810	6,757		6,757
3.4	Khoa học và công nghệ						
3.5	Y tế, dân số và gia đình						
3.6	Văn hóa, thông tin						
3.7	Phát thanh, truyền hình, thông tấn						
3.8	Thể dục, thể thao						
3.9	Bảo vệ môi trường						
3.10	Các hoạt động kinh tế						

3.11	Các hoạt động của các cơ quan QLNN, đảng đoàn thể	3,283		3,283	3,283		3,283
3.12	Bảo đảm xã hội						
3.13	Tài chính và các hoạt động khác						
4	Các nội dung về hỗ trợ phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu ngành nông thôn nâng cao thu nhập người dân	28,941	0	28,941	28,258	0	28,258
4.1	Quốc phòng						
4.2	An ninh, trật tự an toàn xã hội						
4.3	Giáo dục, đào tạo và dạy nghề						
4.4	Khoa học và công nghệ	2,200		2,200	2,003		2,003
4.5	Y tế, dân số và gia đình						
4.6	Văn hóa, thông tin						
4.7	Phát thanh, truyền hình, thông tấn						
4.8	Thể dục, thể thao						
4.9	Bảo vệ môi trường						
4.10	Các hoạt động kinh tế	17,820		17,820	17,740		17,740
4.11	Các hoạt động của các cơ quan QLNN, đảng đoàn thể	8,921		8,921	8,515		8,515
4.12	Bảo đảm xã hội						
4.13	Tài chính và các hoạt động khác						
6	Phát triển giáo dục ở nông thôn	12,821	0	12,821	12,712	0	12,712
6.1	Quốc phòng						
6.2	An ninh, trật tự an toàn xã hội						
6.3	Giáo dục, đào tạo và dạy nghề	12,821		12,821	12,712		12,712
6.4	Khoa học và công nghệ						
6.5	Y tế, dân số và gia đình						
6.6	Văn hóa, thông tin						
6.7	Phát thanh, truyền hình, thông tấn						
6.8	Thể dục, thể thao						
6.9	Bảo vệ môi trường						
6.10	Các hoạt động kinh tế						
6.11	Các hoạt động của các cơ quan QLNN, đảng đoàn thể						
6.12	Bảo đảm xã hội						
6.13	Tài chính và các hoạt động khác						
7	Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn	515	0	515	515	0	515
7.1	Quốc phòng						

7.2	An ninh, trật tự an toàn xã hội						
7.3	Giáo dục, đào tạo và dạy nghề						
7.4	Khoa học và công nghệ						
7.5	Y tế, dân số và gia đình	515		515	515		515
7.6	Văn hóa, thông tin						
7.7	Phát thanh, truyền hình, thông tấn						
7.8	Thể dục, thể thao						
7.9	Bảo vệ môi trường						
7.10	Các hoạt động kinh tế						
7.11	Các hoạt động của các cơ quan QLNN, đảng đoàn thể						
7.12	Bảo đảm xã hội						
7.13	Tài chính và các hoạt động khác						
8	Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn.	17,351	0	17,351	0	0	17,342
8.1	Quốc phòng						
8.2	An ninh, trật tự an toàn xã hội						
8.3	Giáo dục, đào tạo và dạy nghề						
8.4	Khoa học và công nghệ						
8.5	Y tế, dân số và gia đình						
8.6	Văn hóa, thông tin	7,951		7,951			7,948
8.7	Phát thanh, truyền hình, thông tấn						
8.8	Thể dục, thể thao						
8.9	Bảo vệ môi trường						
8.10	Các hoạt động kinh tế						
8.11	Các hoạt động của các cơ quan QLNN, đảng đoàn thể	9,400		9,400			9,394
8.12	Bảo đảm xã hội						
8.13	Tài chính và các hoạt động khác						
10	Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị xã hội trong xây dựng nông thôn mới; cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người	310	0	310	0	0	310
10.1	Quốc phòng						
10.2	An ninh, trật tự an toàn xã hội						
10.3	Giáo dục, đào tạo và dạy nghề						
10.4	Khoa học và công nghệ						
10.5	Y tế, dân số và gia đình						
10.6	Văn hóa, thông tin						

10.7	Phát thanh, truyền hình, thông tấn						
10.8	Thể dục, thể thao						
10.9	Bảo vệ môi trường						
10.10	Các hoạt động kinh tế						
10.11	Các hoạt động của các cơ quan QLNN, đảng đoàn thể	310		310			310
10.12	Bảo đảm xã hội						
10.13	Tài chính và các hoạt động khác						
11	Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn	840	0	840	0	0	840
11.1	Quốc phòng	520		520			520
11.2	An ninh, trật tự an toàn xã hội	320		320			320
11.3	Giáo dục, đào tạo và dạy nghề						
11.4	Khoa học và công nghệ						
11.5	Y tế, dân số và gia đình						
11.6	Văn hóa, thông tin						
11.7	Phát thanh, truyền hình, thông tấn						
11.8	Thể dục, thể thao						
11.9	Bảo vệ môi trường						
11.10	Các hoạt động kinh tế						
11.11	Các hoạt động của các cơ quan QLNN, đảng đoàn thể						
11.12	Bảo đảm xã hội						
11.13	Tài chính và các hoạt động khác						
12	Nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới và công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình; truyền thông về xây dựng nông thôn mới.	10,329	0	10,329	0	0	10,132
12.1	Quốc phòng	20		20			20
12.2	An ninh, trật tự an toàn xã hội						
12.3	Giáo dục, đào tạo và dạy nghề	417		417			415
12.4	Khoa học và công nghệ						
12.5	Y tế, dân số và gia đình	30		30			27
12.6	Văn hóa, thông tin	800		800			800
12.7	Phát thanh, truyền hình, thông tấn	717		717			717
12.8	Thể dục, thể thao						
12.9	Bảo vệ môi trường						
12.10	Các hoạt động kinh tế	1,068		1,068			1,056
12.11	Các hoạt động của các cơ quan QLNN, đảng đoàn thể	7,277		7,277			7,097
12.12	Bảo đảm xã hội						
12.13	Tài chính và các hoạt động khác						

	Tổng cộng	393,052	307,913	85,139	279,578	224,248	83,953
--	------------------	----------------	----------------	---------------	----------------	----------------	---------------